PHỤ LỤC 3
TIÊU CHUẨN VỀ NGOẠI NGỮ VÀ TIN HỌC VÀ DANH SÁCH CÁC ĐƠN VỊ TỔ CHỨC THI VÀ CẤP CHỨNG CHỈ NGOẠI NGỮ, TIN HỌC

(Kèm theo Thông báo số: 795/TB-CNTĐ-TCHC ngày 26 tháng 9 năm 2025 của Trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức)

I. TIÊU CHUẨN VỀ TIN HỌC:

- Căn cứ Công văn số 2819/BTTTT-CNTT ngày 31 tháng 8 năm 2015 của Bộ thông tin và truyền thông về việc công nhận bài thi tin học văn phòng quốc tế phù hợp yêu cầu của Chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT công nhận *"bài thi sử dụng máy tính và internet cơ bản IC3 công nhận đáp ứng yêu cầu của chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản (06 mô đun)"*.

- Căn cứ Thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT-BGDĐT-BTTTT ngày 21 tháng 7 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Thông tin và Truyền thông có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10/08/2016 quy định tổ chức thi và cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin quy định: *"Các chứng chỉ tin học ứng dụng A, B, C đã cấp có giá trị sử dụng tương đương với chứng chỉ ứng dụng CNTT cơ bản"*.

- Căn cứ Công văn số 6078/BGDĐT-GDTX ngày 13 tháng 12 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc tăng cường quản lý trong việc tổ chức thi, cấp chứng chỉ ứng dụng CNTT theo Thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT-BGDDT-BTTTT quy định: *"Bộ Giáo dục và Đào tạo sẽ dừng việc cấp phôi chứng chỉ tin học ứng dụng A, B, C từ ngày 15 tháng 12 năm 2016 và các khóa đào tạo được tổ chức trước ngày 10/08/2016 (thời điểm Thông tư 17 có hiệu lực thi hành) cần nhanh chóng kết thúc chương trình đào tạo, tổ chức thi, cấp chứng chỉ cho học viên, đảm bảo quyền lợi của người học"*. Vậy chứng chỉ tin học ứng dụng A, B, C được cấp sau ngày 15 tháng 12 năm 2016 thì không được công nhận.

II. TIÊU CHUẨN VỀ NGOẠI NGỮ:

1. Đối với các chứng chỉ Tiếng Anh

- Căn cứ Quyết định số 177/QĐ-TCCB ngày 30 tháng 01 năm 1993 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Chương trình tiếng Anh thực hành A, B, C;

- Căn cứ Quyết định số 66/2008/QĐ-BGDĐT ngày 02 tháng 12 năm 2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Quy định chương trình Giáo dục thường xuyên về Tiếng Anh thực hành;

- Căn cứ theo quy định của Cambridge từ tháng 11 năm 2011;

- Căn cứ Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

- Căn cứ Công văn số 6089/BGDĐT-GDTX ngày 27 tháng 10 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về phúc đáp CV số 4453/BNV-CCVC; công văn số 3755/BGDĐT-

GDTX ngày 03 tháng 8 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc quy đổi chứng chỉ ngoại ngữ, tin học;

- Căn cứ Quyết định số 925/QĐ-BGDĐT ngày 31 tháng 03 năm 2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận các cấp độ của chứng chỉ tiếng Anh Aptis ESOL International Certificate tương đương với các bậc của Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

Việc quy đổi chứng chỉ Tiếng Anh thực hiện như sau:

Khung NLNN 6 bậc VN *(TT 01/2014/TT-BGDĐT)*	**Bảng tham chiếu quy đổi một số chứng chỉ tương đương của Tiếng Anh**								
	CC Tiếng Anh theo QĐ 177	**CC Tiếng Anh theo QĐ 66**	**Khung tham chiếu Châu Âu (CEFR)**	**TOEFL PBT/ITP**	**TOEFL CBT**	**TOEFL iBT**	**TOEIC 4 kỹ năng**		
							Listening & Reading	**Speaking**	**Writing**
Bậc 1	Trình độ A	Trình độ A1	A1				120-220	50	30
Bậc 2	Trình độ B	Trình độ A2	A2	360-449		30	225-445	70-90	50-70
Bậc 3	Trình độ C	Trình độ B1	B1	450-499	133	31-45	450-595	100-130	90-120
Bậc 4		Trình độ B2	B2	500-589	173	46-93	600-845	140-160	130-150
Bậc 5		Trình độ C1	Cl	590-649		94-109	850-940	170-180	160-180
Bậc 6		Trình độ C2	C2	650-677		110-120	945-990	190	190

Khung NLNN 6 bậc VN		**Aptis ESOL**
Sơ cấp	Bậc 1	A1
	Bậc 2	A2
Trung cấp	Bậc 3	B1
	Bậc 4	B2
Cao cấp	Bậc 5	C1
	Bậc 6	C2

Khung NLNN 6 bậc VN *(TT 01/2014/TT-BGDĐT)*	Bảng tham chiếu quy đổi một số chứng chỉ tương đương của Tiếng Anh (tt)				
	Cambridge English	**IELTS**	**BEC**	**BULATS**	**PTE General**
Bậc 1					246
Bậc 2	KET	4		20	381
Bậc 3	PET	4.5-5	Busmess Preliminary	40	450
Bậc 4	FCE	5.5-6.5	Business Vantage	60	600
Bậc 5	CAE	7-7.5	Business Higher	75	850
Bậc 6	CPE	8-9		90	910

2. Đối với các chứng chỉ ngoại ngữ khác:

Căn cứ bảng tham chiếu quy đổi một số chứng chỉ ngoại ngữ tương đương cấp độ B1, B2 Khung Châu Âu kèm theo Thông tư số 05/2012/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 2 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo như sau:

Khung NLNN 6 bậc VN *(TT 01/2014/TT-BGDĐT)*	Khung tham chiếu Châu Âu (CEFR)	Bảng tham chiếu quy đổi một số chứng chi tương đương (Ngoại ngữ khác)					
		Tiếng Nga	**Tiếng Pháp**	**Tiếng Đức**	**Tiếng Trung**	**Tiếng Nhật**	**Tiếng Hàn**
Bậc 1	**A1**	TEU	DELF A1	A1	HSK cấp 1	JLPT N5	Topik I-Ll
Bậc 2	**A2**	TBU	DELF A2	A2	HSK cấp 2		Topik I-L2
Bậc 3	**B1**	TRKI 1	DELF B1	B1 ZD	HSK cấp 3	JLPT N4	Topik II-L3
Bậc 4	**B2**	TRKI 2	DELF B2	B2 test DaF level 4	HSK cấp 4	JLPT N3	Topik II-L4

III. DANH SÁCH CÁC ĐƠN VỊ ĐƯỢC PHÉP TỔ CHỨC THI VÀ CẤP CHỨNG CHỈ NGOẠI NGỮ, TIN HỌC:

- Thông báo 1098/TB-QLCL ngày 07 tháng 07 năm 2023 của Cục Quản lý chất lượng - Bộ Giáo dục và Đào tạo về danh sách các đơn vị cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin, chứng chỉ năng lực ngoại ngữ theo Khung năng lực 6 bậc dùng cho Việt Nam và chứng chỉ năng lực Tiếng Việt theo Khung năng lực Tiếng Việt dùng cho người nước ngoài *(đính kèm thông báo)*.

- Danh sách các đơn vị tổ chức thi đánh giá năng lực tiếng Anh theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam *(Dữ liệu cập nhật đến tháng 03/2025)*

STT	Tên đơn vị
1	Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh
2	Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Huế
3	Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội
4	Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng
5	Đại học Thái Nguyên
6	Trường Đại học Cần Thơ
7	Trường Đại học Hà Nội
8	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội
9	Trường Đại học Vinh
10	Trường Đại học Sài Gòn
11	Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh
12	Trường Đại học Trà Vinh
13	Trường Đại học Văn Lang
14	Trường Đại học Quy Nhơn
15	Trường Đại học Tây Nguyên
16	Học viện An ninh Nhân dân
17	Học viện Báo chí Tuyên truyền
18	Trường Đại học Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh (HUIT)
19	Trường Đại học Thương mại
20	Học viện Khoa học Quân sự
21	Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh
22	Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh
23	Học viện Cảnh sát Nhân dân

STT	Tên đơn vị
24	Đại học Bách Khoa Hà Nội
25	Trường Đại học Nam Cần Thơ
26	Trường Đại học Ngoại thương
27	Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh
28	Trường Đại học Kinh tế quốc dân
29	Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh
30	Trường Đại học Lạc Hồng
31	Trường Đại học Đồng Tháp
32	Đại học Duy Tân
33	Trường Đại học Phenikaa
34	Học Viện Ngân hàng
35	Trường ĐH Tài chính – Marketing
36	Trường ĐH Thành Đông
37	Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh
38	Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng